

Bản án số: 394/2022/KDTM-ST
Ngày: 03 - 6 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trần Trọng Thái

2/ Bà Trần Thị Ngọc Lước

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 0739/2019/TLST-KDTM ngày 12/11/2019 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2022/QĐXXST-KDTM ngày 04 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2022/QĐST-KDTM ngày 04 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty S.

Trụ sở: Lô 06 Đường E, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Xuân N, sinh năm 1980 (có đơn yêu cầu vắng mặt).

Nơi cư trú: Lô 9A, Đường C, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Công ty H.

Trụ sở: 489A/23/121 Đường H, Phường M, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Giang Hải T, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Nơi cư trú: 22/1 đường B, Phường A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2019 của Công ty S (SMC) và quá trình giải quyết vụ án ông Hà Xuân Nhiệm là người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 04/06/2018, Công ty S (sau đây gọi tắt là SMC) và Công ty H ký Hợp đồng kinh tế số: 040406/SMC/HĐBT-18 với nội dung:

- Chung loại bê tông và đơn giá: Được mô tả tại Điều 1 của hợp đồng;
- Giá trị hợp đồng: Tính theo khối lượng bê tông cung cấp thực tế nhân với đơn giá;
- Địa điểm cung cấp bê tông: Nhà dân – các công trình quận E, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Thời hạn thanh toán: Khoản 1, Điều 3 của hợp đồng: Căn cứ theo khối lượng và chủng loại bê tông giao nhận thực tế của mỗi đơn hàng, Công ty H có trách nhiệm thanh toán 100% giá trị cho SMC trong vòng 10 ngày kể từ ngày cấp bê tông.

Thực hiện hợp đồng từ ngày 07/06/2018 đến ngày 22/10/2018, SMC đã cung cấp bê tông cho Công ty H tổng giá trị là 193.652.000 đồng.

Về tổng giá trị bê tông SMC đã cung cấp cho Công ty H là 193.950.000 đồng được thể hiện trong các Hoá đơn giá trị gia tăng sau:

- 1/ Hoá đơn giá trị gia tăng số: 3987 ngày 26/11/2018, số tiền: 11.700.000 đồng;
- 2/ Hoá đơn giá trị gia tăng số: 4007 ngày 27/11/2018, số tiền: 11.830.000 đồng;
- 3/ Hoá đơn giá trị gia tăng số: 4082 ngày 28/11/2018, số tiền: 11.700.000 đồng;
- 4/ Hoá đơn giá trị gia tăng số: 4158 ngày 29/11/2018, số tiền: 11.050.000 đồng;
- 5/ Hoá đơn giá trị gia tăng số: 4199 ngày 30/11/2018, số tiền: 11.700.000 đồng;
- 6/ Hoá đơn giá trị gia tăng số: 4326 ngày 01/12/2018, số tiền: 19.630.000 đồng;
- 7/ Hoá đơn giá trị gia tăng số: 4381 ngày 03/12/2018, số tiền: 19.630.000 đồng;
- 8/ Hoá đơn giá trị gia tăng số: 4431 ngày 04/12/2018, số tiền: 19.630.000 đồng;
- 9/ Hoá đơn giá trị gia tăng số: 4480 ngày 05/12/2018, số tiền: 12.000.000 đồng;
- 10/ Hoá đơn giá trị gia tăng số: 4540 ngày 06/12/2018, số tiền: 9.950.000 đồng;
- 11/ Hoá đơn giá trị gia tăng số: 4609 ngày 07/12/2018, số tiền: 18.625.000 đồng;
- 12/ Hoá đơn giá trị gia tăng số: 4646 ngày 08/12/2018, số tiền: 18.625.000 đồng;
- 13/ Hoá đơn giá trị gia tăng số: 4688 ngày 10/12/2018, số tiền: 17.880.000 đồng.

Tổng cộng: 193.950.000 đồng (1).

1/ Hoá đơn giá trị gia tăng số: 4723 ngày 10/12/2018, điều chỉnh giảm giá của hoá đơn 4326 với tổng số tiền giảm là 906.000 đồng;

2/ Hoá đơn giá trị gia tăng số: 4721 ngày 10/12/2018, điều chỉnh giảm giá của hoá đơn 4326 với tổng số tiền giảm là 542.000 đồng;

3/ Hoá đơn giá trị gia tăng số: 4722 ngày 10/12/2018, điều chỉnh giảm giá của hoá đơn 4326 với tổng số tiền giảm là 350.000 đồng.

Tổng cộng giảm: 1.798.000 đồng (2).

(1) – (2): 193.950.000 đồng - 1.798.000 đồng = 192.152.000 đồng.

Theo Điều 1 của Hợp đồng: Thời gian từ 09 giờ đến trước 16 giờ: Phụ thu 300.000 đồng/xe (chưa bao gồm VAT) đối với xe bơm cần và xe bồn trộn bê tông. Có

05 xe bồn trộn bê tông cung cấp trong khoản thời gian này với phụ thu tổng cộng là 1.500.000 đồng không thuế giá trị gia tăng, gồm:

Xe số 51E03871 khởi hành lúc 13 giờ 30 phút ngày 14/6/2018;

Xe số 51E03322 khởi hành lúc 13 giờ 00 phút ngày 15/6/2018;

Xe số 57L9628 khởi hành lúc 13 giờ 25 phút ngày 16/6/2018;

Xe số 51E02776 khởi hành lúc 13 giờ 20 phút ngày 17/6/2018;

Xe số 51E02982 khởi hành lúc 11 giờ 15 phút ngày 18/6/2018.

Tổng: 192.152.000 đồng + 1.500.000 đồng = 193.652.000 đồng (3).

Về tổng giá trị đã thanh toán: SMC được Công ty H thanh toán 02 đợt tổng cộng là 80.000.000 đồng, gồm:

- Theo giấy báo có ngày 30/8/2018, số tiền thanh toán là 30.000.000 đồng;

- Theo giấy báo có ngày 22/10/2018, số tiền thanh toán là 50.000.000 đồng.

Tổng cộng: 80.000.000 đồng (4).

(3) – (4) = 193.652.000 đồng - 80.000.000 đồng = 113.652.000 đồng.

Nay SMC khởi kiện yêu cầu Công ty H phải thanh toán tiền gốc là 113.652.000 đồng và lãi chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất cơ bản từ ngày 03/11/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm theo Hợp đồng kinh tế số: 040406/SMC/HĐBT-18 ngày 04/6/2018 giữa SMC và Công ty H.

Thi hành một lần ngay khi quyết định có hiệu lực pháp luật.

Đại diện nguyên đơn khẳng định các chứng cứ đã được giao nộp, tiếp cận, công khai trong quá trình giải quyết vụ án. Ngoài những chứng cứ đã thu thập tại hồ sơ, không có chứng cứ nào khác cung cấp cho Tòa án.

Tại phiên tòa,

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn Công ty H vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa SMC và Công ty H trong hoạt động kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận, do đó có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh

chấp trên là tranh chấp hợp đồng mua bán theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

SMC khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán đối với bị đơn Công ty H có trụ sở tại quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn:

Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; giấy triệu tập tham gia phiên tòa; quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn Công ty H vắng mặt. Bị đơn không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập đến để ghi nhận ý kiến, tiến hành thủ tục giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như việc tham gia phiên tòa xét xử giải quyết vụ án với nguyên đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Vì vậy, bị đơn Công ty H đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời, tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án.

Căn cứ quy định tại các Điều 196, 207, 208, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền là 113.652.000 đồng (một trăm mười ba triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn đồng) theo Hợp đồng kinh tế số 040406/SMC/HĐBT-18 ngày 04/6/2018)

Căn cứ vào Hợp đồng kinh tế số 040406/SMC/HĐBT-18 ngày 04/6/2018 giữa SMC và Công ty H, được lập và có chữ ký xác nhận giữa SMC và Công ty H đủ cơ sở để xác định SMC và Công ty H có giao kết hợp đồng mua bán. SMC xuất hóa đơn Giá trị gia tăng theo Hợp đồng kinh tế trên nhưng Công ty H vẫn chưa thanh toán tiền cho SMC. Công ty H đã xâm phạm đến quyền và lợi ích của SMC nên yêu cầu khởi kiện của SMC buộc Công ty H trả số tiền 113.652.000 đồng, căn cứ Điều 50 Luật thương mại năm 2005 là có cơ sở chấp nhận.

Xét nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán lãi do chậm thanh toán theo lãi suất cơ bản 09%/năm (0,024657534%/ngày) đến ngày xét xử sơ thẩm đối với Hợp đồng kinh tế số 040406/SMC/HĐBT-18 ngày 04/6/2018.

Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán lãi do chậm thanh toán theo mức lãi suất cơ bản 09%/năm (0,024657534%/ngày) đối với Hợp đồng kinh tế số 040406/SMC/HĐBT-18 ngày 04/6/2018 tính từ ngày 03/11/2018 cho đến ngày xét xử là:

113.652.000 đồng X 1309 ngày X (0,024657534%/ngày) = 36.683.129 đồng.

Yêu cầu của nguyên đơn có lợi cho bị đơn và phù hợp với quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tôn trọng quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự nên có cơ sở chấp nhận.

Công ty H có trách nhiệm thanh toán cho SMC số tiền gồm: tiền gốc 113.652.000 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán theo mức lãi suất cơ bản 36.683.129 đồng, tổng cộng: 150.335.129 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

SMC không phải chịu án phí, hoàn lại cho SMC 3.176.000 đồng tiền tạm ứng án phí;

Công ty H phải chịu 7.516.756 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu 150.335.129 đồng của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận;

[5] Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 264 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 50 và Điều 306 Luật thương mại năm 2005;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Công ty S.

Công ty H phải thanh toán cho Công ty S số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 150.335.129 (một trăm năm mươi triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn một trăm hai mươi chín đồng), trong đó tiền gốc là: 113.652.000 (một trăm mười ba triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn đồng) và tiền lãi do chậm thanh toán theo mức lãi suất cơ bản là 36.683.129 (ba mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn một trăm hai mươi chín đồng) theo Hợp đồng kinh tế số 040406/SMC/HĐBT-18 ngày 04/6/2018 giữa Công ty S và Công ty H.

Thi hành một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí:

- Công ty H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 7.516.756 (bảy triệu năm trăm mười sáu nghìn bảy trăm năm mươi sáu đồng).

- Công ty S không phải chịu án phí, hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.176.000 (ba triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng số

0042290 ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về nghĩa vụ thi hành án

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty S (đối với các khoản tiền phải trả cho Công ty S) cho đến khi thi hành án xong, Công ty H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- CC THADS quận Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Quỳnh